



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 140 /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2022/TT-BTC
ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý tài chính
nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu
ngân sách nhà nước**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 về hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Cơ quan tài chính bao gồm: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại, Kho bạc Nhà nước, Cục Hải quan), Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.”

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản 1 như sau:

“b) Phối hợp với cơ quan chủ quản trong giám sát, đánh giá việc thực hiện các quy định về quản lý tài chính nhà nước đối với việc quản lý, sử dụng vốn viện trợ của ngân sách trung ương”.

c) Kiểm tra quyết toán thu, chi nguồn vốn viện trợ hằng năm của ngân sách trung ương.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Kiểm tra quyết toán thu, chi nguồn vốn viện trợ hằng năm của ngân sách cấp tỉnh”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản 3 như sau:

“b) Thực hiện theo dõi các khoản tiền viện trợ được chuyển vào tài khoản của chủ chương trình, dự án mở tại Kho bạc Nhà nước và thực hiện việc xác nhận thanh toán đối vốn viện trợ không hoàn lại bố trí từ nguồn đầu tư công, giải ngân đối vốn viện trợ bố trí từ nguồn chi thường xuyên mở tài khoản tiếp nhận viện trợ tại Kho bạc Nhà nước, hạch toán, ghi thi ghi chi ngân sách nhà nước đối với nguồn viện trợ theo quy định.

c) *Thực hiện trách nhiệm báo cáo theo quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này. Đối với viện trợ chi đầu tư theo cơ chế tài chính trong nước, việc thực hiện báo cáo áp dụng như quy định tại Thông tư số 37/2025/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.*

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Xét duyệt quyết toán nguồn viện trợ nước ngoài của ngân sách nhà nước hằng năm đối với đơn vị dự toán cấp dưới; tổng hợp báo cáo quyết toán vốn ngân sách nhà nước nguồn viện trợ hằng năm theo quy định.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Xét duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán chương trình, dự án, khoản viện trợ hoàn thành theo quy định về quyết toán chương trình, dự án, quyết toán khoản viện trợ; tổ chức quản lý, xử lý tài sản hình thành từ khoản viện trợ, chương trình, dự án viện trợ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Xây dựng dự toán thu, chi vốn viện trợ/Kế hoạch vốn viện trợ hằng năm và 05 năm trình cơ quan chủ quản để tổng hợp và thực hiện dự toán thu, chi vốn viện trợ/Kế hoạch vốn viện trợ hằng năm được cấp có thẩm quyền giao theo Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan”

5. Sửa đổi Điều 7 như sau:

“Điều 7. Dự toán thu chi ngân sách nhà nước, Kế hoạch vốn từ nguồn vốn viện trợ theo từng chương trình, dự án, phi dự án

1. Dự toán thu chi ngân sách nhà nước hoặc kế hoạch vốn nguồn vốn viện trợ theo từng chương trình, dự án là một bộ phận thuộc Kế hoạch tài chính ngân sách 05 năm, Kế hoạch đầu tư công 05 năm và dự toán thu chi ngân sách nhà nước hằng năm, kế hoạch vốn ngân sách nhà nước hằng năm.

2. Mẫu biểu, trình tự lập, phê duyệt Kế hoạch tài chính ngân sách 05 năm, Kế hoạch đầu tư công 05 năm từ nguồn vốn viện trợ thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thực hiện.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 8 như sau:

“4. Kế hoạch tài chính vốn viện trợ được xây dựng cùng dự toán thu chi ngân sách nhà nước hằng năm hoặc kế hoạch vốn hằng năm và gửi cơ quan chủ quản để phê duyệt”.

7. Sửa đổi Điều 9 như sau:

“Điều 9. Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hằng năm và kế hoạch đầu tư công hằng năm nguồn vốn viện trợ.

1. Việc lập dự toán thu, chi vốn viện trợ và kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn viện trợ được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Việc đề xuất điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước vốn viện trợ hay điều chỉnh kế hoạch vốn phải đảm bảo khả năng thực hiện của chủ chương trình, dự án, phi dự án.

3. Đối với các khoản viện trợ bằng hàng hóa, hiện vật hoặc công trình chìa khóa trao tay do bên cung cấp viện trợ thực hiện tại Việt Nam và bàn giao cho cơ quan tiếp nhận phía Việt Nam, trường hợp tại thời điểm tiếp nhận bàn giao hàng hóa, hiện vật, công trình chưa có dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan chủ quản của khoản viện trợ lập đề xuất điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công để thực hiện việc hạch toán ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Việc chuyển nguồn dự toán vốn viện trợ được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Đối với khoản viện trợ hỗ trợ ngân sách trung ương cho Chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt, sau khi vốn viện trợ được giải ngân về ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản này, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng cho chương trình, dự án cụ thể, căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được phê duyệt, quyết định phê duyệt chương trình, dự án và tiến độ thực hiện chương trình, dự án cụ thể, chủ chương trình, dự án thực hiện rút dự toán từ Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý chi ngân sách nhà nước”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Hạch toán thu ngân sách nhà nước: Căn cứ vào chứng từ chuyển tiền của bên tài trợ và thông báo của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước hạch toán thu ngân sách nhà nước theo nguyên tắc quy đổi ra đồng Việt Nam.”

10. Sửa đổi Điều 12 như sau:

“Điều 12. Viện trợ bằng tiền cho chương trình, dự án, phi dự án do chủ chương trình, dự án bên Việt Nam thực hiện

1. Mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ

Căn cứ Hiệp định viện trợ hoặc thỏa thuận viện trợ và quyết định phê duyệt chương trình, dự án, viện trợ, chủ chương trình, dự án, phi dự án mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư này. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày mở tài khoản, thông tin cơ quan chủ quản về tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

2. Giải ngân, hạch toán ghi thu ghi chi vốn viện trợ

a) Việc giải ngân, hạch toán vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 1,2,3 và 4 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam hoặc quy định tại Điều 89 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 40 Điều 1 Nghị định số 119/2026/NĐ-CP.

b) Đối với vốn viện trợ đã tiếp nhận vào tài khoản mở tại ngân hàng thương mại nhưng chưa giải ngân và chưa được hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được khoản giải ngân của bên tài trợ, chủ chương trình, dự án có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm chứng từ ghi có vào tài khoản, gửi đến cơ quan chủ quản đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hoặc Sở tài chính đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh để quản lý số vốn đã tiếp nhận.

Đối với khoản viện trợ chủ chương trình, dự án, phi dự án đã tiếp nhận, chi tiêu nhưng chưa có dự toán, định kỳ hằng quý chủ dự án báo cáo cơ quan chủ quản để tổng hợp, theo dõi.

c) Trường hợp các khoản viện trợ ODA có cơ quan chủ quản là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thực hiện hạch toán thu viện trợ của ngân sách trung ương và hạch toán chi ngân sách trung ương để bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp tỉnh. Đồng thời hạch toán thu ngân sách cấp tỉnh từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương và hạch toán chi cho chương trình, dự án.

d) Hằng tháng, ngân hàng thương mại nơi chủ chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước mở tài khoản gửi sao kê tài khoản cho chủ chương trình, dự án đồng gửi cơ quan chủ quản để phối hợp quản lý.

3. Trường hợp chủ chương trình, dự án là các doanh nghiệp nhà nước tiếp nhận vốn viện trợ bằng tiền theo phương thức phía Việt Nam trực tiếp thực hiện, việc hạch toán được thực hiện như sau:

a) Đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trường hợp đủ điều kiện được tiếp nhận vốn viện trợ theo quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước và Luật số 68/2025/QH15 của Quốc hội về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định pháp luật liên quan, căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép tăng vốn điều lệ tại doanh nghiệp, vốn viện trợ sử dụng được hạch toán thu ngân sách nhà nước và hạch toán chi ngân sách nhà nước để tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trường hợp đủ điều kiện được tiếp nhận vốn viện trợ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt tiếp nhận theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật doanh nghiệp, điều lệ doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan, vốn viện trợ sử dụng được hạch toán thu ngân sách nhà nước và hạch toán chi ngân sách nhà nước để tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

b) Đối với một số khoản chi khác đủ điều kiện thực hiện theo quy định, hạch toán thu ngân sách nhà nước và hạch toán chi ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

11. Sửa đổi Điều 13 như sau:

“Điều 13. Viện trợ bằng hiện vật, hàng hóa, dịch vụ, bao gồm khoản viện trợ do bên tài trợ trực tiếp thực hiện tại Việt Nam hoặc phương thức chĩa khóa trao tay

1. Việc hạch toán ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định tại các khoản 3 và 4 Điều 90 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài, điểm d khoản 41 Điều 1 Nghị định số 119/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 242/2025/NĐ-CP; khoản 4 Điều 24 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam; điểm a khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 21 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai, Điều 66 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai; căn cứ thỏa thuận viện trợ, quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ, hồ sơ hàng hóa được chuyển giao quyền sở hữu cho bên Việt Nam bao gồm vận đơn, hóa đơn, biên bản bàn giao và hồ sơ liên quan khác theo quy định của pháp luật và quy định tại thỏa thuận viện trợ.

2. Đối với các khoản viện trợ bằng hiện vật, hàng hóa do bên tài trợ nước ngoài trực tiếp thực hiện hoặc ủy thác cho một đơn vị không phải chủ chương trình, dự án, phi dự án tại Việt Nam thực hiện hoặc khoản viện trợ theo phương thức chìa khóa trao tay: Sau khi nhà tài trợ bàn giao hiện vật, hàng hóa hoặc bàn giao hiện vật, hàng hóa, công trình hoàn thành cho phía Việt Nam, chủ dự án chịu trách nhiệm tập hợp các tài liệu, chứng từ liên quan đến hàng hóa, hiện vật hoặc công trình, xác định giá trị báo cáo cơ quan chủ quản xem xét, quyết định để thực hiện bổ sung dự toán, hạch toán ngân sách nhà nước theo quy định.”

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 như sau:

“1. Đối với khoản viện trợ bằng tiền cho chương trình, dự án áp dụng tỷ giá theo quy định tại Điều 78 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2026/NĐ-CP.”

13. Sửa Điều 17 như sau:

“Điều 17. Quản lý tài sản viện trợ

1. Việc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản hình thành từ nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc phạm vi ngân sách nhà nước (trừ tài sản quy định tại khoản 2 Điều này) thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Đối với tài sản được hình thành từ nguồn vốn viện trợ thuộc diện ngân sách nhà nước đầu tư hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 hoặc điểm b khoản 1 Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước và Luật số 68/2025/QH15 của Quốc hội về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì việc quản lý, sử dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

3. Đối với tài sản hình thành từ vốn viện trợ bằng hàng hóa, hiện vật được bên tài trợ mua sắm và cung cấp cho bên Việt Nam, hoặc bên nước ngoài thực hiện tại Việt Nam và bàn giao tài sản, kết quả cho bên Việt Nam, đơn vị tiếp nhận thực hiện quy trình, thủ tục để hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước; đồng thời hạch toán tăng tài sản tại đơn vị theo quy định”.

14. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a, b và c khoản 1 như sau:

“a) Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định. Đối với khoản viện trợ chủ trương trình, dự án, phi dự án đã tiếp nhận và chi tiêu nhưng chưa có dự toán, khi thực hiện quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm, cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm về hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên

quan và tổng hợp số liệu để Bộ Tài chính báo cáo cấp có thẩm quyền thực hiện bổ sung dự toán để thực hiện quyết toán theo quy định.

b) Bộ Tài chính thực hiện kiểm tra quyết toán của đơn vị dự toán ngân sách cấp 1 cùng cấp về tính đầy đủ, khớp đúng giữa số liệu quyết toán với xác nhận của Kho bạc Nhà nước.

c) Số dư dự toán không sử dụng đến hết thời gian chính lý quyết toán ngân sách nhà nước được hủy, trừ số được chuyển nguồn theo quy định”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về quyết toán vốn đầu tư dự án và Thông tư số 73/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 5 Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a, b và c khoản 1 như sau:

“a) Báo cáo tình hình tiếp nhận, sử dụng vốn viện trợ bằng tiền định kỳ hằng quý và hằng năm.

b) Báo cáo tình hình tiếp nhận, sử dụng vốn viện trợ bằng hàng, dịch vụ định kỳ hằng quý và hằng năm.

c) Báo cáo tình hình hạch toán ghi thu chi chi vốn viện trợ định kỳ hằng quý và hằng năm.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 như sau:

“a) Báo cáo định kỳ hằng quý: Số liệu báo cáo tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 6 như sau:

“a) Báo cáo quý được gửi chậm nhất là ngày 25 của tháng cuối kỳ báo cáo.

b) Đối với báo cáo hằng năm, báo cáo gửi chậm nhất vào ngày 18/2 năm sau đối với kỳ báo cáo từ ngày 01/1 đến ngày 31/1 năm sau”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Phương thức gửi báo cáo: Cơ quan chủ quản báo cáo trực tuyến qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính. Trong trường hợp hệ thống này chưa được đưa vào vận hành, cơ quan chủ quản báo cáo bản điện tử qua Hệ thống văn bản và điều hành”.

16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 21 như sau:

a) Sửa đổi điểm d khoản 1 như sau:

“d) Phương thức gửi báo cáo: Sở Tài chính báo cáo trực tuyến qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính. Trong trường hợp hệ thống này chưa được đưa vào vận hành, Sở Tài chính báo cáo bản điện tử qua Hệ thống văn bản và Điều hành.”

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 2 như sau:

“2. Kho bạc Nhà nước gửi Bộ Tài chính đối với viện trợ thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hoặc Sở Tài chính đối với nguồn thu của ngân sách địa phương các báo cáo hằng quý, hằng năm như sau:”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Nội dung báo cáo số liệu hạch toán ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước chi tiết từng chương trình, dự án, phi dự án gồm: Số dư đầu kỳ trên tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ, trị giá vốn viện trợ tiếp nhận trong kỳ và trị giá hạch toán ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước trong kỳ.”

d) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Thời điểm chốt số liệu báo cáo và thời hạn báo cáo:

Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo, thời hạn báo cáo không muộn hơn ngày 25 của tháng cuối kỳ báo cáo; Báo cáo năm từ ngày 01/01 hằng năm đến 31/01 năm sau, thời hạn báo cáo không muộn hơn ngày 28/02 năm sau.”

đ) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu điểm đ khoản 2 như sau:

“đ) Phương thức gửi báo cáo:

Đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương, Kho bạc Nhà nước báo cáo trực tuyến qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính. Trong trường hợp hệ thống này chưa được đưa vào vận hành, cơ quan thực hiện báo cáo bằng bản điện tử qua Hệ thống văn bản và Điều hành”.

17. Sửa đổi, bổ sung khổ đầu của Điều 22 như sau:

“Định kỳ hằng tháng, trước ngày 05 của tháng tiếp theo, ngân hàng thương mại nơi chủ dự án mở tài khoản tiếp nhận tiền viện trợ lập báo cáo về tình hình giao dịch thu, chi ngân sách nhà nước qua tài khoản tiếp nhận tiền viện trợ trong tháng, gửi cơ quan chủ quản đối với các khoản viện trợ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương, gửi ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố đối với các khoản viện trợ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2026;

2. Thay thế Mẫu biểu 01, 02, 03 Phụ lục 01 và Mẫu biểu 02 Phụ lục 02 Thông tư số 23/2022/TT-BTC bằng Mẫu biểu 01, 02, 03 và 04 Phụ lục kèm theo Thông tư này;

3. Bãi bỏ khoản 6 Điều 3; điểm b khoản 5 Điều 20; khoản 6 Điều 22, Điều 23, Điều 24 Thông tư 23/2022/TT-BTC;

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vướng mắc, trên cơ sở phản ánh của các cơ quan, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- VP Tổng Bí thư;
- VP TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện KSND tối cao, TAND tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ban Chấp hành TW Đảng;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP;
- Sở Nội vụ, Sở TC, KBNN các tỉnh, TP;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLN (50b);

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 140 /2026/TT-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ BẰNG TIỀN

Kỳ báo cáo: quý, cả năm

Đơn vị: đồng

Mẫu số 01

STT	Tên chương trình/dự án/phi dự án	Chủ chương trình/dự án	Quyết định phê duyệt	Số dư đầu kỳ trên tài khoản	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý/năm liên kế quý/năm báo cáo			Thực hiện trong quý/năm báo cáo			
					Số vốn viện trợ đã tiếp nhận	Số vốn sử dụng	Số dư cuối kỳ trên tài khoản	Số dư đầu kỳ trên tài khoản	Số vốn viện trợ đã tiếp nhận trong kỳ	Số vốn sử dụng trong kỳ	Số dư cuối kỳ trên tài khoản
I	Viện trợ ODA										
1	Dự án....										
2	Dự án....										
II	Viện trợ không thuộc ODA										
1	Dự án....										
2	Dự án....										

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 140 /2026/TT-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, SỬ DỤNG VIỆN TRỢ BẰNG HÀNG, DỊCH VỤ
Kỳ báo cáo: quý, cả năm

Đơn vị: đồng

Mẫu số 02

STT	Tên chương trình/dự án/phi dự án	Chủ khoản viện trợ	Quyết định phê duyệt	Theo quyết định phê duyệt khoản viện trợ			Số tiếp nhận trong quý/năm báo cáo			Trị giá chưa tiếp nhận đến cuối kỳ
				Số lượng	Chủng loại	Trị giá (đồng)	Số lượng	Chủng loại	Trị giá (đồng)	
I	Viện trợ ODA									
1	Dự án									
2	Dự án									
II	Viện trợ không thuộc ODA									
1	Dự án									
2	Dự án									

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 140 /2026/TT-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HẠCH TOÁN GHI THU GHI CHI VỐN VIỆN TRỢ
Kỳ báo cáo: quý, cả năm

Đơn vị: đồng

Mẫu số 03

STT	Tên chương trình/dự án/phi dự án	Chủ chương trình/dự án/phi dự án	Quyết định phê duyệt	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý/năm liền kề quý/năm báo cáo		Thực hiện trong quý/năm báo cáo		Lũy kế số vốn đã tiếp nhận, sử dụng nhưng chưa hạch toán NSNN
				Số đã hạch toán thu chi NSNN	Số đã sử dụng nhưng chưa hạch toán thu chi NSNN	Số đã hạch toán thu chi NSNN	Số đã sử dụng nhưng chưa hạch toán ghi thu ghi chi NSNN	
I	Viện trợ ODA							
1	Dự án....							
2	Dự án....							
II	Viện trợ không thuộc ODA							
1	Dự án....							
2	Dự án....							

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 140 /2026/TT-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HẠCH TOÁN GHI THU GHI CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kỳ báo cáo: quý, cả năm

Đơn vị: đồng

Mẫu số 04

STT	Tên chương trình/dự án /phi dự án	Chủ dự án	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý/năm liền kể quý/năm báo cáo			Thực hiện trong quý/năm báo cáo		
			Số dư đầu kỳ trên tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ	Số vốn viện trợ đã tiếp nhận	Số đã hạch toán ghi thu ghi chi NSNN	Số dư đầu kỳ trên tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ	Số vốn viện trợ đã tiếp nhận trong kỳ	Số đã hạch toán ghi thu ghi chi NSNN
			1	2	3	4	5	6
I	Các dự án chi đầu tư							
A	Cơ quan chủ quản							
1	Dự án							
2	Dự án							
B	Cơ quan chủ quản							
1	Dự án							
2	Dự án							
	...							
II	Các dự án chi thường xuyên							
1	...							
2								

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Lưu ý: Cột (1), (2), (4) và (5) Kho bạc Nhà nước báo cáo số liệu đối với trường hợp tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ được mở tại Kho bạc Nhà nước. Trường hợp tài khoản tiếp nhận viện trợ mở tại ngân hàng, Kho bạc Nhà nước báo cáo số liệu tại cột (3), (6)